

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Thực tập lắp ráp sửa chữa hệ thống điều hòa không khí (228268) -

Môn học: **Nhóm 01**

CBGD: **Vũ Đình Nhường (280019)**

Số SV có mặt: 27.....

Số bài thi: 27.....

Số tờ giấy thi: 27.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A				9.0	8	8.4		
2	2120180002	HỨA THANH BÌNH	19/03/2002	CCQ2018A				9.0	8	8.4		
3	2120180003	TRẦN ĐỨC CHẤT	26/10/2002	CCQ2018A								
4	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A				9.0	8	8.4		
5	2120180006	BÙI NGỌC DUY	28/02/2002	CCQ2018A				10	9.5	9.7		
6	2120180007	LÂM THÀNH DUY	06/05/2001	CCQ2018A								
7	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A				9.0	7.5	8.1		
8	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A				9.0	8.5	8.7		
9	2120180010	CAO HẢI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A				9.0	7.5	8.1		
10	2120180011	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/09/2002	CCQ2018A				10	9.0	9.4		
11	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A				9.0	8	8.4		
12	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A				8.0	8	8		
13	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A				9.0	8	8.4		
14	2120180016	NGUYỄN ANH MỸ	17/01/2000	CCQ2018A				9.0	8.5	8.7		
15	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A				9.0	7	7.8		
16	2120180019	TÀ TRUNG NGUYỄN	06/04/2002	CCQ2018A				9.0	9.0	9		
17	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A				9.0	8	8.4		
18	2120180021	NGUYỄN XUÂN NHÂN	01/06/2002	CCQ2018A				9.0	9.0	9		
19	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A				9.0	8	8.4		
20	2120180023	VÕ ĐÌNH TIẾN	20/08/2002	CCQ2018A								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Thực tập lắp ráp sửa chữa hệ thống điều hòa không khí (228268) -

Môn học: **Nhóm 01**

CBGD: **Vũ Đình Nhường (280019)**

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Vũ Đình Nhường</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vũ Đình Nhường</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180024	VÕ ĐÌNH PHONG	08/06/2002	CCQ2018A			<i>Phong</i>	9.0	8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120180026	NGUYỄN VĂN THẮNG	24/12/2001	CCQ2018A			<i>Thắng</i>	10	9.0	9.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120180027	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	09/11/2002	CCQ2018A			<i>Thinh</i>	10	9.0	9.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120180028	LÊ MINH THOẠI	07/02/2002	CCQ2018A			<i>Như</i>	9.0	8.5	8.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120180029	HỒ TRUNG TÍN	27/08/2000	CCQ2018A			<i>Tin</i>	9.0	8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120180030	PHẠM MINH TRÍ	08/03/2002	CCQ2018A			<i>Tri</i>	9.0	8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180031	LÊ ĐAN TRƯỜNG	20/01/2000	CCQ2018A			<i>Dan</i>	9.0	8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120180032	PHẠM QUỐC TUẤN	28/01/2002	CCQ2018A			<i>Tuan</i>	9.0	8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120180033	LÊ ĐIỀN VĂN	04/03/2002	CCQ2018A			<i>Van</i>	9.0	8	8.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120180034	PHAN MINH VƯƠNG	12/11/2001	CCQ2018A			<i>Vuong</i>	9.0	7.5	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9